

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

7. Tên CTQLQ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (TCC)
Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt Techcom (TCFF)
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, số 191 phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà
Trung, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 3944 6368 Fax: +84 24 3944 6583
Email: IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn Website:
<https://www.techcomcapital.com.vn/>
8. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ TCFF năm 2021.
9. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 29/03/2022
tại đường dẫn: <http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG
Người được ủy quyền CBTT



[Signature]
Tổng Giám đốc
Đặng Lưu Dũng

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2021
(Căn cứ phụ lục XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ:

Tên quỹ:	Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom Viết tắt: TCFF
Loại hình quỹ:	Quỹ mở
Mục tiêu đầu tư:	Với mục tiêu là bảo toàn vốn, tạo lợi nhuận ngắn hạn cạnh tranh hơn so với các khoản tiền gửi không kỳ hạn, đồng thời tăng tính thanh khoản khi nắm giữ Chứng chỉ Quý cho nhà đầu tư, Quý sẽ đầu tư chủ yếu vào tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng, tín phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá khác có chất lượng tín dụng tốt và tính thanh khoản cao.
Thời hạn hoạt động:	Không thời hạn
Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio)	Không áp dụng
Chính sách phân chia lợi nhuận:	Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quý và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại diện Quý quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quý theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Quý xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.
Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:	9,559,142.28 (thời điểm 31/12/2021)
Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quý trong kỳ báo cáo:	Điều lệ quỹ sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật hiện hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau: Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Quý tại tài liệu họp. Điều 2: Thông qua Báo cáo Ngân hàng giám sát của Quý năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đính kèm báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/ . Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/ Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2020 Quý tại tài liệu họp. Điều 5: Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 của Quý tại tài liệu họp.

	<p>Điều 6: Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021.</p> <p>Điều 7: Thông qua Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2021 tại tài liệu họp.</p> <p>Điều 8: Thông qua việc điều chỉnh nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ như sau:</p> <table border="1" data-bbox="486 526 1356 660"> <thead> <tr> <th></th> <th>Nhiệm kỳ hiện tại</th> <th>Nhiệm kỳ thay đổi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhiệm kỳ Ban đại diện quỹ</td> <td>2018-2021</td> <td>2018-2023</td> </tr> </tbody> </table> <p>Điều 9: Thông qua việc Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020 ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định mức Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa là 1,5%/NAV/năm. - Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản Lý sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website. - Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý vượt mức tối đa nêu trên sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt <p>Điều 10: Thông qua toàn bộ nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom (TCFF) tại tài liệu họp.</p> <p>Điều 11: Nghị quyết Đại hội có hiệu lực từ ngày ký.</p>		Nhiệm kỳ hiện tại	Nhiệm kỳ thay đổi	Nhiệm kỳ Ban đại diện quỹ	2018-2021	2018-2023
	Nhiệm kỳ hiện tại	Nhiệm kỳ thay đổi					
Nhiệm kỳ Ban đại diện quỹ	2018-2021	2018-2023					
Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.	Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.						

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 %
Danh mục chứng khoán	89.37%	75.47%	63.46%
Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	7.57%	22.80%	35.00%
Tài sản khác	3.06%	1.73%	1.54%
	100%	100%	100%

	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Giá trị tài sản ròng của Quỹ:	113,197,601,214.00	59,846,226,041.00	31,254,159,540.00
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ	9,599,142.28	5,361,233.40	2,927,090.34
Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành	11,792.47	11,162.77	10,677.55

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất trong kỳ:	11,816.39	11,174.98	10,677.55
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị thấp nhất trong kỳ:	11,144.28	10,669.48	10,057.50

- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
1	Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(298,705,794.00)	95,677,538.00	(288,395,014.00)
2	Cổ tức được chia	6,377,815,582.00	4,411,160,275.00	4,059,732,629.00
3	Chênh lệch mua bán chứng khoán	(80,433,518.00)	40,977,178.00	828,194,997.00
4	Tổng chi phí	1,789,881,688.00	1,906,186,272.00	1,717,626,759.00
	Tổng lợi nhuận	4,208,794,582.00	2,641,628,719.00	2,881,905,853.00

- Phân phối lợi nhuận:

	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị Quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo	Không phân phối	Không phân phối	Không phân phối
Thời điểm phân chia lợi nhuận	-	-	-
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận	-	-	-

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của Quỹ:

	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2.24%	3.27%	3.25%
Tốc độ vòng quay danh mục	99.81%	343.72%	401.53%

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 1 năm):	4,208,794,582.00
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 3 năm):	6,850,423,301.00
- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 5 năm):	10,074,508,099.00

c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

d. Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.

b. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: không áp dụng

c. So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không áp dụng

d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): không áp dụng

e. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Chiến lược đầu tư tạm thời: Khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các Nhà Đầu Tư, Công ty Quản Lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.

Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào các công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành sẽ được đầu tư thận trọng trên cơ sở đánh giá lợi nhuận và rủi ro khi đầu tư.

f. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô

Kết thúc quý IV/2021 tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2011-2019. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,61%; khu vực dịch vụ tăng 5,42%. Về sử dụng GDP quý IV/2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,86% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 3,37%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,28%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 11,36%.

Năm 2021 ước tính GDP tăng 2,58% so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Cụ thể quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Xét trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, năng suất cây trồng tốt, chăn nuôi tăng trưởng ổn định, kim ngạch xuất khẩu một số nông sản năm 2021 tăng. Ngành nông nghiệp tăng 3,18%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,88%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 1,73%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm.

Đối với vực công nghiệp và xây dựng, với tốc độ tăng 6,37% ngành công nghiệp chế biến, chế tiếp tục tạo động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế, đóng góp 1,61 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,24%, đóng góp 0,19 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 6,21%, làm giảm 0,23 điểm phần trăm do sản lượng dầu mỏ thô khai thác giảm 5,7% và khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 19,4%. Ngành xây dựng tăng 0,63%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 diễn biến phức tạp từ cuối tháng Tư đến hoạt động thương mại và dịch vụ. Mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi tăng trưởng âm của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn. Ngành bán buôn, bán lẻ giảm 0,21% so với năm trước, làm giảm 0,02 điểm phần trăm trong tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 5,02%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm mạnh 20,81%, làm giảm 0,51 điểm phần trăm. Ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 42,75%, đóng góp 0,55 điểm phần trăm;

hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,42%, đóng góp 0,52 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 5,97%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,36%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,86%; khu vực dịch vụ chiếm 40,95%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,83%. Về sử dụng GDP năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 2,09% so với năm 2020; tích lũy tài sản tăng 3,96%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,01%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,16%.

Theo giá hiện hành năm 2021 năng suất lao động của toàn nền kinh tế ước tính đạt 171,3 triệu đồng/lao động (tương đương 7.398 USD/lao động, tăng 538 USD so với năm 2020). Theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2021 tăng 4,71% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2021 đạt 26,1%, cao hơn mức 25,3% của năm 2020).

Thị trường trái phiếu quý 4 và năm 2021

Trên thị trường sơ cấp, trong tháng 12, KBNN tổ chức 21 đợt đấu thầu TPCP với tổng giá trị gọi thầu (GTGT) đạt 38,750 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu đạt 78%. Ngân hàng phát triển Việt Nam gọi thầu 11,000 tỷ đồng với tỷ lệ trúng thầu đạt 77.3%. Trong tháng 12, KBNN đã điều chỉnh kế hoạch phát hành TPCP trong quý 4 xuống còn 86,000 tỷ đồng từ mức 135,000 tỷ đồng trước đó, bao gồm các kỳ hạn 5 năm (1,500 tỷ đồng), 7 năm (500 tỷ đồng), 10 năm (28,000 tỷ đồng), 15 năm (31,000 tỷ đồng), 20 năm (14,000 tỷ đồng) và 30 năm (11,000 tỷ đồng). Tính đến hết tháng 12, KBNN đã phát hành tổng cộng 80,499 tỷ đồng TPCP trong Quý, tương ứng 94% kế hoạch Quý 4. Tính từ đầu năm đến hết tháng 12/2021, kết quả phát hành TPCP đạt 318,213 tỷ đồng, tương đương 98% kế hoạch cả năm sau điều chỉnh.

Trên thị trường thứ cấp, trong tháng 12 giá trị giao dịch thông thường (Outright) và giao dịch mua bán lại (Repo) lần lượt đạt 164,718 tỷ (giảm 9.4% so với tháng trước) và 123,011 tỷ (tăng 23% so với tháng trước). Giá trị giao dịch Outright và Repo trung bình ngày lần lượt đạt mức 7,162 tỷ đồng/ngày (giảm 13,3% so với tháng trước) và 5,348 tỷ đồng/ngày (tăng 17,6% so với tháng trước). So với cùng kỳ hạn năm trước, khối lượng giao dịch Outright tháng 12 giảm 22.9% và khối lượng giao dịch repo tăng 12.9%.

Trong tháng qua, lãi suất bình quân liên ngân hàng VND tăng mạnh 0.18-0.5% ở các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 2 tuần lên lần lượt 0.81%, 1.18% và 1.44%. Riêng lãi suất kỳ hạn 9 tháng giảm 0.25% xuống 3.34%.

Lãi suất TPCP tăng nhẹ 0.01-0.07% ở các kỳ hạn từ 1 năm đến 30 năm so với trung bình tháng, riêng lãi suất kỳ hạn 20 năm giảm 0.02%. So với mặt bằng lãi suất năm ngoái, lãi suất giao dịch các kỳ hạn 5 năm đến 30 năm hiện tại thấp hơn 0.15-0.28%, trong khi lãi suất 1-4 năm cao hơn từ 0.29-0.35%. Trong tháng vừa qua, đường cong lãi suất không có nhiều biến động.

Lãi suất TPCP Việt Nam đang ở mức tương đối thấp trong khu vực. Khoảng cách lãi suất TPCP giữa Việt Nam và Mỹ từ đầu tháng 12 tới nay có xu hướng thu hẹp khoảng 0.02% và 0.13% ở kỳ hạn 1 và 3 năm, thu hẹp 0.08-0.12% ở các kỳ hạn từ 10-30 năm trong khi nói rộng 0.02-0.05% ở các kỳ hạn từ 5-7 năm.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong tháng 12 có tổng cộng 80 đợt phát hành trong nước với tổng giá trị đạt 65,757 tỷ đồng. Trong tháng 12, Ngân hàng và Bất động sản hiện là 2 nhóm ngành phát hành khối lượng trái phiếu lớn nhất với giá trị lần lượt là 46,926 tỷ đồng và 9,538 tỷ đồng, chiếm 71.36% và 14.5% tổng giá trị phát hành của tháng.

Trong năm 2021 có tổng cộng 964 đợt phát hành TPDN trong nước với tổng giá trị đạt 595 nghìn tỷ đồng, trong đó có 937 đợt phát hành riêng lẻ và 23 đợt phát hành ra công chúng, 4 đợt phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế tổng giá trị 1.425 tỷ USD.

Nhóm ngân hàng thương mại hiện dẫn đầu về giá trị phát hành với tổng khối lượng 223.01 nghìn tỷ đồng, có 55.3 nghìn tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 (chiếm 25%), 73% trái phiếu phát hành kỳ hạn ngắn 2-4 năm.

Nhóm Bất động sản đứng vị trí thứ 2 với tổng giá trị phát hành đạt 214.44 nghìn tỷ đồng, chiếm 36%. Trong đó có khoảng 29% giá trị trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo hoặc đảm bảo bằng cổ phiếu. Lãi suất phát hành dao động trong khoảng 8%-13% năm.

Có 4 đợt phát hành trái phiếu quốc tế bao gồm: tập đoàn Vingroup (500 triệu USD), trái phiếu xanh của công ty Cổ phần Bất động sản BIM (200 triệu USD), trái phiếu chuyển đổi của Novaland (300 triệu USD), trái phiếu bền vững của Vinpearl (425 triệu USD).

g. Hiệu quả hoạt động của Quỹ: Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là 4.54% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

h. Thông tin về việc chia, tách đơn vị Quỹ trong kỳ (nếu có): Không có.

i. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ: Không có.

j. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.

k. Các thông tin khác (nếu có): Không có

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá danh mục của Quỹ có phát sinh sai lệch so với hạn chế đầu tư của quỹ, cụ thể:

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 24/06/2021 và 27/06/2021, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của một tổ chức phát hành trên tổng tài sản của Quỹ vượt quá hạn mức tối đa 20%, quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 28/06/2021, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 05/07/2021 và 06/07/2021, tỷ lệ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác trên giá trị tài sản ròng của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối thiểu 80%, quy định tại khoản 14 Điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 07/07/2021, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	637,245,905.00

% Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận	15.14%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Thu nhập	10.62%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Tổng chi phí	35.60%

b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quý: Không có.

c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	637,245,905.00
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	133,245,905.00
Chi phí dịch vụ lưu ký	240,000,000.00
Chi phí dịch vụ giám sát	66,000,000.00
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ	198,000,000.00

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành. Theo đánh giá của chúng tôi, các đơn vị trên đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tinh chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quý TCFE được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom (TCFF).

Trân trọng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phí Tuấn Thành